TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2019/HS-ST Ngày 11- 7 - 2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vàng Thị Dua.

C*ác Hội thẩm nhân dân:* Ông Thùng Văn Liên và ông Lò Văn Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Np.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Np, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Lê Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Np, tỉnh Điện Biên; mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/TLST-HS ngày 20/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 28/6/2019 đối với bị cáo:

G; Sinh năm 1977 tại huyện T u –Lai Châu; Nơi cư trú: Bản P k, xã N b, huyện Np, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng Chìa Chớ (đã chết) và con bà: Mùa Thị Sâu; Bị cáo có vợ là Mùa Thị Lỳ sinh năm 1978 và có 06 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2019 cho tới nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa: Ông Phùng Việt Hoa – Là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên được trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Điện Biên cử bào chữa cho bị cáo G.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 15/01/2019, G cầm theo số tiền 1.000.000đ đi bộ từ nhà ở bản P k xã N b, huyện Np, tỉnh Điện Biên lên khu vực Mốc 53 biên giới Việt Nam - Lào để tìm mua ma túy về sử dụng. Đến 21 giờ cùng ngày G đến khu vực Mốc 53 thì Gấu gặp một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên tuổi và địa chỉ ở đâu. Khi gặp người đàn ông hỏi đi đâu, Gấu trả lời là

đi tìm mua thuốc phiện. Người đàn ông đó hỏi lại Gấu là mua bao nhiêu tiền, Gấu nói là bán cho 1.000.000đ (Một triệu đồng) và lấy tiền trong túi ra đếm đủ 1.000.000đ (Một triệu đồng) rồi đưa tiền cho người đàn ông đó. Sau khi cầm tiền người đàn ông đó lấy trong ba lô đeo trên người ra 02 gói thuốc phiện được gói bằng ni lông màu trắng đưa cho Gấu. Gấu cầm 02 gói thuốc phiện mua được cho vào túi vải màu đen rồi cho vào túi quần và đi về nhà. Còn người đàn ông đó đi đâu Gấu không rõ. Trên đường đi do trời mưa to nên Gấu vào một lán nương gần Mốc 53 ngủ qua đêm, tại lán nương Gấu đã lấy một ít thuốc phiện ra sử dụng. Khoảng 09 giờ ngày 16/01/2019 G từ lán nương đi về nhà. Khi đến khe suối thuộc bản P k, xã N b, huyện Np thì bị tổ công tác Đồn biên phòng N b bắt quả tang cùng vật chứng là 90 gam thuốc phiện.

Ngày 17/01/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Np đã tiến hành mở niêm phong xác định khối lượng ma túy thu giữ của G là 90 (Chín mươi) gam.

Bản kết luận giám định số: 235/GĐ-PC09, ngày 25/01/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *02 (Hai) mẫu chất dẻo màu nâu đen trích ra từ vật chứng thu giữ của G gửi giám định là chất ma túy. Loại thuốc phiện. Khối lượng vật chứng thu giữ của G là 90 gam.*

Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSNP ngày 20/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Np, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị can G về tội " *Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249/ BLHS.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Np đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Np giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bị cáo G phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo G mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số thuốc phiện của bị cáo (sau khi trừ mẫu gửi giám định) và 01 túi vải màu đen.

Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo G thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ông Phùng Việt Hoa là người bào chữa cho bị cáo G cho rằng về tội danh ông không có ý kiến gì. Bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo G mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời xem xét hoàn cảnh gia đình miễn áp dụng hình phạt bổ sung và án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo: Hồi 09 giờ 00 phút ngày 16/01/2019, G đã bị tổ công tác Đồn biên phòng N b bắt quả tang tại khu vực bản P k, xã N b, huyện Np, thu giữ 02 gói thuốc phiện có khối lượng 90 (Chín mươi) gam.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy HĐXX kết luận bị cáo G đã có hành vi phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249/BLHS.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý đặc biệt các chất ma tuý của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo G là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, để có ma túy sử dụng bị cáo đã mua ma túy tàng trữ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo G đã đi ngược lại với đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong việc cấm trồng, sử dụng, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma tuý.

[3] Về nhân thân: Bị cáo G từ nhỏ không được đi học, do không chịu rèn luyện bản thân và hiểu biết pháp luật hạn chế nên bị cáo đã sớm nghiện chất ma túy và có hành vi phạm tội trong vụ án này.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo G chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo G thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giữ vững kỷ cương của pháp luật góp phần đẩy lùi tội phạm ma tuý và nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong nhân dân.

[5] Xét đề nghị và luận tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của vị luật sư đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, xử phạt cho bị cáo G mức án thấp nhất theo đề

nghị của đại diện Viện kiểm sát; Cần được xem xét để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Np, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Np, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo G không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 249/BLHS, xét thấy bị cáo G có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng thi hành nên HĐXX không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ: Bị cáo G khai nhận đã mua ma túy của người đàn ông không biết tên tuổi và địa chỉ ở đâu tại khu vực Mốc 53 biên giới Việt Nam – Lào thuộc khu vực bản P k xã N b. Ngoài lời khai của bị cáo không còn chứng cứ nào khác chứng minh. Do đó, không có cơ sở để xác minh và xử lý đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm về toàn bộ số ma túy bị thu giữ.

[10] Về vật chứng vụ án: gồm 85 gam thuốc phiện (Sau khi trừ mẫu gửi giám định) là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành và 01 túi vải màu đen đã cũ, không có giá trị sử dụng; Cần tuyên tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: HĐXX xét thấy gia đình bị cáo G là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn quy định của Chính phủ nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo G được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo G phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

[2] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38/BLHS: Xử phạt bị cáo G 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù, kể từ ngày bắt: 16/01/2019.

[3] Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; Khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS; Tuyên tịch tiêu hủy 85 gam thuốc

phiện (Sau khi trừ mẫu gửi giám định) và 01 túi vải màu đen, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Np.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016: Bị cáo G được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo ;
- Người bào chữa;
- CQĐT Công an huyện Np;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Np;
- CQTHAHS huyện Np;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Np;
- PC 81 CA tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Np;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án; HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vàng Thị Dua